

Số: 34 /2023/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 27 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 20/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải - Xây dựng tại Tờ trình số 286/TTr-SGTVTXD ngày 28/9/2023 đề nghị ban hành Quyết định Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 20/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai và Văn bản số 4360/SGTVTXD-QLN ngày 17/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 20/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai

1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi tên Điều 3 như sau:

“Điều 3. Thẩm quyền và quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng của người quyết định đầu tư”.

b) Thay thế cụm từ “quy định tại điểm c, điểm d, điểm e khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng” tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 3 bằng cụm từ “quy định tại Điều 3b Quy định này”.

c) Bổ sung khoản 3, 4, 5 Điều 3 như sau:

“3. Quy trình thẩm định/thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi; thẩm định/thẩm định điều chỉnh Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư thực hiện theo Điều 3a Quy định này.

4. Sau khi thực hiện thẩm định, cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư (sau đây gọi tắt là cơ quan chủ trì thẩm định) trình người quyết định đầu tư phê duyệt dự án, quyết định đầu tư xây dựng. Quyết định phê duyệt dự án thực hiện theo Mẫu số 03 và 03a Phụ lục VI Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023.

5. Thẩm quyền, quy trình thẩm định, phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi, điều chỉnh Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng của người quyết định đầu tư thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này.”.

2. Bổ sung Điều 3a vào sau Điều 3 như sau:

“ Điều 3a. Quy trình thẩm định/thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi; thẩm định/thẩm định điều chỉnh Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư

1. Người đề nghị thẩm định (được người quyết định đầu tư giao làm chủ đầu tư dự án) có trách nhiệm chuẩn bị và gửi 01 bộ hồ sơ qua mạng trực tuyến hoặc qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (trường hợp cơ quan chủ trì thẩm định là Sở Kế hoạch & Đầu tư hoặc Phòng

Quản lý đô thị - UBND thành phố Lào Cai); tại Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện (trường hợp cơ quan chủ trì thẩm định là Phòng Quản lý đô thị - UBND thị xã Sa Pa hoặc Phòng Kinh tế hạ tầng - UBND các huyện còn lại của tỉnh Lào Cai).

Thành phần hồ sơ gồm: Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng theo Mẫu số 01, 02 Phụ lục kèm theo Quyết định này; Hồ sơ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng tại cơ quan chủ trì thẩm định thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 12 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 4 Điều 12 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP của Chính phủ. Ngoài ra chủ đầu tư có trách nhiệm nộp bổ sung hồ sơ dự án và các tài liệu, văn bản pháp lý kèm theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 6 Điều 12 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP của Chính phủ khi được cơ quan chủ trì thẩm định yêu cầu.

2. Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định theo quy định khoản 6 Điều 12 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP. Trong thời hạn **04 ngày** làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ thẩm định, cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm:

a) Xem xét, gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ trình thẩm định đến người đề nghị thẩm định (nếu cần, việc yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ được yêu cầu một lần trong quá trình thẩm định). Trường hợp cần lấy ý kiến phối hợp của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan chủ trì thẩm định yêu cầu người trình thẩm định bổ sung hồ sơ đối với những nội dung lấy ý kiến;

b) Trả lại hồ sơ thẩm định trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Cơ quan chủ trì thẩm định từ chối tiếp nhận hồ sơ trình thẩm định và thông báo kịp thời đến người đề nghị thẩm định các lỗi, sai sót về thông tin, số liệu trong nội dung hồ sơ dẫn đến không thể đưa ra kết luận thẩm định trong các trường hợp:

a) Trình thẩm định không đúng với thẩm quyền của cơ quan chủ trì thẩm định hoặc người đề nghị thẩm định không đúng thẩm quyền theo quy định;

b) Không thuộc đối tượng phải thẩm định tại cơ quan chủ trì thẩm định theo quy định;

c) Hồ sơ trình thẩm định không bảo đảm về tính pháp lý hoặc không hợp lệ theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP;

d) Đối với hồ sơ nhận qua đường bưu điện thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b và điểm c của khoản này, cơ quan chủ trì thẩm định phải có văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do từ chối thực hiện thẩm định.

4. Trong thời hạn **04 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan chủ trì thẩm định, người đề nghị thẩm định phải hoàn thành việc bổ sung hồ sơ. Nếu hết thời hạn nêu trên, người đề nghị thẩm định không thực hiện việc bổ sung hồ sơ thì cơ quan chủ trì thẩm định dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu.

5. Thời gian thẩm định dự án của cơ quan chủ trì thẩm định không quá **12 ngày** làm việc.

6. Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm tổ chức thẩm định sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ do người đề nghị thẩm định hoàn thành việc bổ sung hồ sơ và ban hành kết quả thẩm định theo thời gian quy định. Kết quả thẩm định phải có đánh giá, kết luận về mức đáp ứng yêu cầu đối với từng nội dung thẩm định quy định tại Điều 57 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14. Kết quả thẩm định được đồng thời gửi cơ quan quản lý xây dựng ở địa phương để biết và quản lý.

Mẫu văn bản thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng thực hiện theo Mẫu số 03, 04 Phụ lục kèm theo Quyết định này.

7. Việc đóng dấu, lưu trữ hồ sơ thẩm định tại cơ quan chủ trì thẩm định được thực hiện như sau:

a) Hồ sơ trình thẩm định sau khi chỉnh sửa, hoàn thiện được cơ quan chủ trì thẩm định kiểm tra, đóng dấu xác nhận các nội dung đã được thẩm định trên các bản vẽ có liên quan của 01 bộ hồ sơ bản vẽ thiết kế xây dựng. Mẫu dấu thẩm định tham khảo theo quy định tại Mẫu số 08 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP. Các bản vẽ đã đóng dấu thẩm định được giao lại cho người đề nghị thẩm định; người đề nghị thẩm định có trách nhiệm lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ và đáp ứng kịp thời yêu cầu của cơ quan chủ trì thẩm định khi cần xem xét hồ sơ lưu trữ này. Người đề nghị thẩm định có trách nhiệm nộp bản chụp (định dạng .PDF) tài liệu Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế kỹ thuật đã đóng dấu thẩm định cho cơ quan chủ trì thẩm định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đóng dấu thẩm định. Trường hợp không thực hiện được việc lưu trữ theo bản định dạng .PDF, cơ quan chủ trì thẩm định yêu cầu người đề nghị thẩm định nộp bổ sung 01 bộ bản vẽ để đóng dấu lưu trữ.

b) Khi kết thúc công tác thẩm định, cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm lưu trữ, bảo quản một số tài liệu gồm: Tờ trình thẩm định; các kết luận của tổ chức, cá nhân tham gia thẩm định; văn bản góp ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan; thông báo kết quả thẩm định; các bản chụp tài liệu đã đóng dấu thẩm định theo quy định tại điểm a khoản này.

8. Người đề nghị thẩm định/thẩm định điều chỉnh dự án thực hiện việc nộp phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính.

9. Quy trình thẩm định điều chỉnh dự án tại cơ quan chủ trì thẩm định đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 Điều này. Trong đó hồ sơ điều chỉnh dự án bổ sung thêm nội dung lý do điều chỉnh và kèm theo bộ hồ sơ trước điều chỉnh, bổ sung để phục vụ đối chiếu theo quy định.”.

3. Bổ sung Điều 3b vào sau Điều 3a như sau:

“Điều 3b. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi của cơ quan chuyên môn về xây dựng

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công: Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thẩm định đối với dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh trừ dự án quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại điểm a khoản 5 Điều 12 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể:

a) Sở Giao thông vận tải - Xây dựng thẩm định đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng dân dụng; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng; dự án đầu tư xây dựng công nghiệp nhẹ, công nghiệp vật liệu xây dựng, hạ tầng kỹ thuật và đường bộ trong đô thị; dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông; trừ dự án quy định tại điểm d khoản này.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn; trừ dự án quy định tại điểm d khoản này.

c) Sở Công Thương thẩm định đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp trừ dự án quy định tại điểm a và điểm d khoản này.

d) Ban Quản lý khu kinh tế thẩm định đối với các dự án, công trình được đầu tư xây dựng tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế được cấp có thẩm quyền giao quản lý.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công: Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo chuyên ngành quản lý quy định tại khoản 1 Điều này thẩm định đối với dự án từ nhóm B trở lên, dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh trừ dự án quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại điểm b khoản 5 Điều 12 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Đối với dự án PPP (đầu tư theo hình thức đối tác công tư): Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo chuyên ngành quản lý quy định tại khoản 1 Điều này thẩm định đối với dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh trừ dự án quy định tại điểm a khoản 3 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại điểm c khoản 5 Điều 12 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác: Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo chuyên ngành quản lý quy định tại khoản 1 Điều này thẩm định đối với dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh thẩm định đối với dự án quy mô lớn quy định tại khoản 8 Điều 3 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh trừ dự án quy định tại điểm a khoản 4 Điều 13

Nghị định số 15/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại điểm d khoản 5 Điều 12 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP của Chính phủ.”.

4. Bổ sung Điều 3c vào sau Điều 3b như sau:

“Điều 3c. Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng

1. Đối với công trình xây dựng thuộc dự án sử dụng vốn đầu tư công: Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo chuyên ngành quản lý quy định tại khoản 1 Điều 3b thẩm định đối với công trình thuộc dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh trừ dự án quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại điểm a khoản 10 Điều 12 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Đối với công trình xây dựng thuộc dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công: Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo chuyên ngành quản lý quy định tại khoản 1 Điều 3b thẩm định đối với công trình thuộc dự án có quy mô từ nhóm B trở lên, dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng, được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh trừ dự án quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại điểm b khoản 10 Điều 12 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Đối với dự án PPP (đầu tư theo hình thức đối tác công tư): Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo chuyên ngành quản lý quy định tại khoản 1 Điều 3b thẩm định đối với công trình thuộc dự án PPP được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh trừ dự án quy định tại điểm a khoản 3 Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại điểm c khoản 10 Điều 12 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác: Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo chuyên ngành quản lý quy định tại khoản 1 Điều 3b thẩm định đối với công trình thuộc dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng và công trình thuộc dự án được xây dựng tại khu vực không có quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn, được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh trừ dự án quy định tại điểm a khoản 4 Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại điểm d khoản 10 Điều 12 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP của Chính phủ.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng

1. Thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng

a) Sở Giao thông vận tải - Xây dựng cấp giấy phép xây dựng công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, trừ nhà ở riêng lẻ và công trình quy định tại điểm b khoản này.

b) Ban quản lý khu kinh tế cấp giấy phép xây dựng các công trình trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế được cấp có thẩm quyền giao quản lý, trừ nhà ở riêng lẻ.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV và nhà ở riêng lẻ trên địa bàn do mình quản lý, trừ công trình quy định tại điểm b khoản này.

2. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng là cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng cho mình cấp. Trường hợp đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng hoặc cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo, làm thay đổi quy mô công trình thì thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng được xác định theo quy mô công trình mới sau điều chỉnh, sửa chữa, cải tạo.”

6. Bổ sung Điều 4a vào sau Điều 4 như sau:

“ Điều 4a. Quy mô, chiều cao công trình, nhà ở riêng lẻ được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn

1. Quy mô, chiều cao công trình, nhà ở riêng lẻ được cấp phép xây dựng có thời hạn.

a) Trường hợp xây dựng mới công trình, nhà ở riêng lẻ trên đất trống (khuyến khích công trình có kết cấu đơn giản thuận lợi cho việc lắp dựng, tháo dỡ). Không có tầng hầm, tầng bán hầm.

Nhà ở riêng lẻ: Tổng diện tích sàn xây dựng công trình tối đa là 180m², số tầng tối đa là 02 tầng (không kể gác xép) và chiều cao công trình tối đa là 9,5m.

Công trình sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, công trình thương mại, dịch vụ: Tổng diện tích sàn tối đa 1.000m², số tầng tối đa 01 tầng, chiều cao công trình tối đa 9,5m. Đối với các công trình xây dựng nằm trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế (*được cấp có thẩm quyền giao Ban quản lý khu kinh tế quản lý*) tổng diện tích sàn tối đa 1.500m², số tầng tối đa 01 tầng, chiều cao công trình tối đa 12,0m.

Công trình trụ sở làm việc và các công trình khác: Tổng diện tích sàn tối đa 250m², số tầng tối đa là 02 tầng và chiều cao công trình tối đa 9,5m.

b) Trường hợp cải tạo, sửa chữa công trình, nhà ở riêng lẻ hiện hữu có quy mô hiện trạng lớn hơn hoặc bằng quy mô quy định tại điểm a khoản này, chỉ được phép sửa chữa, cải tạo mà không làm tăng quy mô xây dựng (chiều cao, số tầng, diện tích xây dựng, diện tích sàn) và cấp công trình.

c) Trường hợp cải tạo, sửa chữa công trình, nhà ở riêng lẻ hiện hữu mà làm tăng quy mô nhưng thấp hơn hoặc bằng quy mô quy định tại điểm a khoản này, yêu cầu kết cấu của phần tăng quy mô công trình, nhà ở riêng lẻ được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn phải đảm bảo độc lập với kết cấu của công trình hiện hữu đồng thời phải đảm bảo thuận tiện khi tháo dỡ, giải tỏa, không ảnh hưởng đến kết cấu và chất lượng của công trình hiện hữu.

2. Không cấp phép xây dựng có thời hạn đối với công trình tôn giáo, công trình tín ngưỡng.

3. Thời hạn tồn tại của công trình theo giấy phép xây dựng có thời hạn được cấp: Theo kế hoạch thực hiện quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng hoặc kế hoạch thực hiện quy hoạch chi tiết, quy hoạch chi tiết khu chức năng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.”

7. Sửa đổi khoản 1 Điều 7 như sau:

“1. Đối với các dự án trừ trường hợp dự án được quy định tại khoản 2 Điều này

a) Sở Giao thông vận tải - Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở, dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng, dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp nhẹ, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, dự án đầu tư xây dựng có công năng phục vụ hỗn hợp khác, trừ công trình quy định tại điểm a, điểm b, điểm d khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ và công trình quy định tại điểm d khoản này;

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn, trừ công trình quy định tại điểm a, điểm b, điểm d khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP của Chính phủ và công trình quy định tại điểm d khoản này;

c) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra công tác nghiệm thu với các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp, trừ công trình quy định tại điểm a, điểm b, điểm d khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP của Chính phủ và công trình quy định tại điểm a, điểm d khoản này.

d) Ban Quản lý khu kinh tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các công trình được đầu tư xây dựng trên địa bàn được cấp có thẩm quyền giao quản lý, trừ công trình quy định tại điểm a, điểm b, điểm d khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP của Chính phủ.”.

8. Sửa đổi điểm a, điểm b khoản 1 Điều 10 như sau:

a) Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 10 như sau:

“a) Chủ trì phối hợp với các ngành có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện cấp giấy phép xây dựng, quản lý dự án đầu tư và quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh;”

b) Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 10 như sau:

“b) Thực hiện tổng hợp, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình cấp giấy phép xây dựng, quản lý xây dựng và chất lượng công trình trên địa bàn tỉnh.”

Điều 2. Quy định chuyển tiếp

1. Dự án, công trình xây dựng đã trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định hoặc thẩm định điều chỉnh báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng, báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành và đủ điều kiện thẩm định theo quy định của Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND nhưng chưa có thông báo kết quả thẩm định thì việc thực hiện thẩm định của cơ quan có thẩm quyền thẩm định được tiếp tục thực hiện theo quy định tại Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND. Dự án, công trình xây

dựng đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định khi có yêu cầu điều chỉnh kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì việc thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng điều chỉnh được thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

2. Dự án, công trình xây dựng đã trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định hoặc thẩm định điều chỉnh Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng, báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, trường hợp không đủ điều kiện thẩm định hoặc kết quả thẩm định là không đủ điều kiện trình phê duyệt, chủ đầu tư phải hoàn thiện các yêu cầu và trình thẩm định lại theo quy định tại Quyết định này.

3. Đối với hồ sơ đề nghị cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng đã nộp theo quy định tại Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND tại cơ quan cấp giấy phép xây dựng trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được cấp giấy phép xây dựng thì việc cấp giấy phép xây dựng được tiếp tục thực hiện theo quy định tại Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND. Việc cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành được thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

4. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng đã được cấp giấy phép xây dựng theo giai đoạn hoặc cho một hoặc một số công trình của dự án theo quy định tại Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng đối với các giai đoạn tiếp theo hoặc các công trình còn lại của dự án được thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày .08. tháng .12. năm 2023./. Lưu

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục Kiểm tra VB QPPL - Bộ Tư pháp;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Lào Cai;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND, TT UBND tỉnh;
- UBND các Huyện, TX Sa Pa, TP Lào Cai;
- Công báo Lào Cai;
- Báo Lào Cai;
- Đài PT-TH tỉnh Lào Cai;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Lào Cai;
- Lưu: VT, các CV, XD2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Hải



PHỤ LỤC

Mẫu tờ trình và các văn bản trong quy trình thực hiện thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật và báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư

(Kèm theo Quyết định số: **34** /2023/QĐ-UBND ngày **27** tháng **11** năm 2023 của UBND tỉnh Lào Cai)

Mẫu số 01	Tờ trình thẩm định, phê duyệt/thẩm định, phê duyệt điều chỉnh bổ sung Báo cáo kinh tế kỹ thuật duyệt đầu tư xây dựng công trình
Mẫu số 02	Tờ trình thẩm định, phê duyệt/thẩm định, phê duyệt điều chỉnh bổ sung Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình
Mẫu số 03	Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật sử dụng tham khảo Mẫu số 02a Phụ lục VI Nghị định 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023
Mẫu số 04	Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi sử dụng tham khảo Mẫu số 02 Phụ lục VI Nghị định 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023
Mẫu số 03a Phụ lục VI Nghị định 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023	Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng sử dụng mẫu đã được quy định
Mẫu số 03 Phụ lục VI Nghị định 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023	Quyết định phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng sử dụng mẫu đã được quy định
Mẫu số 08 Phụ lục I Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021	Mẫu dấu thẩm định, phê duyệt dự án sử dụng mẫu đã được quy định

(TÊN TỔ CHỨC)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Lào Cai, ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Thẩm định/Thẩm định điều chỉnh Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng

Kính gửi: (Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số /2021/NĐ-CP ngày tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan (Tên tổ chức) trình (Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định) thẩm định/thẩm định điều chỉnh Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Loại, nhóm dự án:
3. Loại và cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế.
4. Người quyết định đầu tư:
5. Chủ đầu tư (nếu có) hoặc tên đại diện tổ chức và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
6. Địa điểm xây dựng:
7. Giá trị tổng mức đầu tư:
8. Nguồn vốn đầu tư:..... (xác định và ghi rõ: vốn đầu tư công/vốn nhà nước ngoài đầu tư công)
9. Thời gian thực hiện:
10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:
12. Nhà thầu khảo sát xây dựng:

13. Quy mô/Quy mô điều chỉnh đầu tư xây dựng:

14. Lý do điều chỉnh, bổ sung (trường hợp điều chỉnh, bổ sung):

15. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

1. Văn bản pháp lý: liệt kê các văn bản pháp lý có liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 được sửa đổi bổ sung tại khoản 6 Điều 12 Nghị định 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023.

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;

- Thuyết minh Báo cáo kinh tế kỹ thuật (bao gồm tổng mức đầu tư; Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu được lựa chọn áp dụng).

- Hồ sơ bản vẽ thiết kế và dự toán.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật, nhà thầu thẩm tra (nếu có);

- Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra;

- Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có).

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định) thẩm định, trình (người quyết định đầu tư) phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

-

- Lưu:

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

(TÊN TỔ CHỨC)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Lào Cai, ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Thẩm định/Thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng

Kính gửi: (Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số /2021/NĐ-CP ngày tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.....

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định) thẩm định/thẩm định điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Loại, nhóm dự án:
3. Loại và cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế.
4. Người quyết định đầu tư:
5. Chủ đầu tư (nếu có) hoặc tên đại diện tổ chức và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
6. Địa điểm xây dựng:
7. Giá trị tổng mức đầu tư:
8. Nguồn vốn đầu tư:..... (xác định và ghi rõ: vốn đầu tư công/vốn nhà nước ngoài đầu tư công)
9. Thời gian thực hiện:
10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:
12. Nhà thầu khảo sát xây dựng:

13. Quy mô/Quy mô điều chỉnh đầu tư xây dựng:

14. Lý do điều chỉnh, bổ sung (trường hợp điều chỉnh, bổ sung):

15. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

1. Văn bản pháp lý: liệt kê các văn bản pháp lý có liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 được sửa đổi bổ sung tại khoản 6 Điều 12 Nghị định 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023.

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;

- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư; Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu được lựa chọn áp dụng).

- Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có);

- Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra;

- Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có).

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định) thẩm định, trình (người quyết định đầu tư) phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-;

-;

- Lưu:

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**CƠ QUAN/ĐƠN VỊ
THẨM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:
V/v thông báo kết quả thẩm định Báo
cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây
dựng...(tên dự án)

Lào Cai, ngày tháng năm

Kính gửi: (Tên đơn vị đề nghị thẩm định).

(Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định) đã nhận văn bản số ... ngày ... tháng... năm ... của ... đề nghị thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng... (tên dự án).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ ... (văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng);

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Sau khi xem xét, (Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định) thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng... (tên dự án) như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Nhóm dự án, loại, cấp, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự án:
3. Người quyết định đầu tư:
4. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
5. Địa điểm xây dựng:
6. Giá trị tổng mức đầu tư xây dựng:
7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Thời gian thực hiện:
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
10. Nhà thầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng:
11. Nhà thầu khảo sát xây dựng:
12. Nhà thầu thẩm tra (nếu có):

13. Các thông tin khác (nếu có):

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Văn bản pháp lý:

(Liệt kê các văn bản pháp lý và văn bản khác có liên quan của dự án)

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế, thẩm tra (nếu có):

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được gửi kèm theo văn bản yêu cầu thẩm định.

(Riêng đối với công trình xây dựng có kết cấu dạng nhà thuộc dự án cần thể hiện được các nội dung, thông số chủ yếu của công trình gồm diện tích xây dựng, mật độ xây dựng, tổng diện tích sàn xây dựng, hệ số sử dụng đất, số tầng cao, chiều cao công trình, chỉ giới xây dựng công trình, bố trí công năng công trình)

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng.

2. Sự phù hợp của thiết kế bản vẽ thi công với quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch hoặc phương án tuyến công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

3. Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận; với chương trình, kế hoạch thực hiện, các yêu cầu khác của dự án theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

4. Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực.

5. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế bản vẽ thi công về bảo đảm an toàn xây dựng.

6. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

7. Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường.

8. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về xác định tổng mức đầu tư xây dựng (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công).

9. Đối với trường hợp yêu cầu phải thực hiện thẩm tra thiết kế theo quy định, cơ quan/đơn vị được giao thẩm định kiểm tra kết quả thẩm tra của tổ chức tư vấn về đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật về áp dụng tiêu chuẩn trong thiết kế (trường hợp này cơ quan/đơn vị được giao thẩm định không thực hiện trực tiếp nội dung quy định tại khoản 5 và khoản 6 của mục này).

V. KẾT LUẬN

Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng... (tên dự án) đủ điều kiện/chưa đủ điều kiện/chỉ đủ điều kiện sau khi hoàn thiện các nội dung yêu cầu để trình tổng hợp, phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện (nếu có).

Trên đây là thông báo của (Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định) về kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng... (tên dự án). Đề nghị đơn vị đề nghị thẩm định nghiên cứu thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
-;
- Lưu:

CƠ QUAN/ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**CƠ QUAN/ĐƠN VỊ
THẨM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:
V/v thông báo kết quả thẩm định Báo
cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây
dựng...(tên dự án)

Lào Cai, ngày tháng năm

Kính gửi: (Tên đơn vị đề nghị thẩm định).

(Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định) đã nhận văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... của trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng...(tên dự án).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ ... (văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng);

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Sau khi xem xét, (Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định) thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng... (tên dự án) như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Nhóm dự án, loại, cấp, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự án:
3. Người quyết định đầu tư:
4. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
5. Địa điểm xây dựng:
6. Giá trị tổng mức đầu tư xây dựng:
7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Thời gian thực hiện:
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
10. Nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng:
11. Nhà thầu khảo sát xây dựng:

12. Nhà thầu thẩm tra (nếu có):

13. Các thông tin khác (nếu có):

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Văn bản pháp lý:

(Liệt kê các văn bản pháp lý và văn bản khác có liên quan của dự án)

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế, thẩm tra (nếu có):

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án trình thẩm định được gửi kèm theo Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của tổ chức trình thẩm định.

(Riêng đối với công trình xây dựng có kết cấu dạng nhà thuộc dự án cần thể hiện được các nội dung, thông số chủ yếu của công trình gồm diện tích xây dựng, mật độ xây dựng, tổng diện tích sàn xây dựng, hệ số sử dụng đất, số tầng cao, chiều cao công trình, chỉ giới xây dựng công trình, bố trí công năng công trình)

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng.

2. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch hoặc phương án tuyến công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

3. Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận; với chương trình, kế hoạch thực hiện, các yêu cầu khác của dự án theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

Đối với dự án mà nhà đầu tư đã trúng đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, trúng đấu giá quyền sử dụng đất thuộc trường hợp được chuyển tiếp theo quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 không có yêu cầu phải chấp thuận chủ trương đầu tư, cơ quan thẩm định đánh giá sự phù hợp của dự án với các nội dung yêu cầu tại văn bản quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá, văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

Đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị cần có đánh giá về kế hoạch xây dựng, hoàn thành các công trình hạ tầng kỹ thuật trước khi đưa các công trình nhà ở và công trình khác vào sử dụng; sự phù hợp của kế hoạch xây dựng của dự án thành phần hoặc giai đoạn thực hiện dự án đối với dự án tổng thể trong trường hợp trình thẩm định theo dự án thành phần hoặc phân kỳ đầu tư.

4. Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực; khả năng đáp ứng hạ tầng kỹ thuật và việc phân giao trách nhiệm quản lý các công trình theo quy định của pháp luật có liên quan đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị.

5. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở về bảo đảm an toàn xây dựng; việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường.

6. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

7. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về xác định tổng mức đầu tư xây dựng (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công).

V. KẾT LUẬN

Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng... (tên dự án) đủ điều kiện/chưa đủ điều kiện/chỉ đủ điều kiện sau khi hoàn thiện các nội dung yêu cầu để trình tổng hợp, phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện (nếu có).

Trên đây là thông báo của (Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định) về kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng... (tên dự án). Đề nghị chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
-
- Lưu:

CƠ QUAN/ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)